



**SAFETY
JOGGER**
INDUSTRIAL



Nặng

ALASKA S3

Ủn g da an toàn

Safety Jogger ALASKA là g da bi kha nung chit goun va dat tinh ch ố n g tinh dier rui duoc cho cac nganh cong n ghiệp p và mội d h ỏi khắt khe.

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điểDa ng

lót bên trong	Cambrella
trong Đ	ệm chân S Memory Foam
iữa để g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng dầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng thép	0.815 kg
ấn hấu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



Sản phẩm
đều
có khả năng và hiệu.



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường ẩm ướt và lạnh. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống lại va đập và nghiền nát bàn chân.



SR Chống trượt (SR) và chống tĩnh điện (SR) có nghĩa là phép thử trượt được thực hiện trên bề mặt trơn và phòng và đã



Mặt trên chống nước (WRU)
Ngăn nước không tiếp xúc lâu dài



Cách điện lạnh (CI)
Giày bảo hộ cách điện (CI) để chống được mặt đất trong môi



Tay nắm bậc thang (LG)
Đường viền được xác định đặc biệt để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.

**SAFETY
JOGGER**
WORKS

**HEAD-TO-TOE
PROTECTION**

ENGINEERED
IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n: Lĩnh vực ô tô, Hóa học, Xây dựng, Khai thác mỏ, Dầu khí, Ngành công nghiệp

Môi trường: môi trường, đất nước và bằng giá, môi trường, bề mặt không bền vững

Các hướng dẫn ba số tri: giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách sử dụng các sản phẩm bảo vệ giày

Sử dụng		Đơn vị	Đo lường	Đặc tính	K	EN ISO 20345
Như n vật liệu						
cao cấp hơn						
Top: khả năng		điều	mg/cm/g	7.1	?	0.8
Top: hình thức			mg/cm2	64	?	15
ót bên trong						
Cambrella						
Lốp lót: khả năng		điều	mg/cm/g	1206	?	2
lót: hình thức			mg/cm2	964.8	?	20
rong						
Đề m		chân	SJ Memory Foam			
Đề m		chân	Đồ chơi n g	mài mòn (khô/ướt)	(chu kỳ)	
				chu kỳ	25600/12800	25600/12800
goài						
PU / PU						
Chống mài mòn			mm	85.1	?	150
a đế ngoài SRA gót chân			ma sát	0.40	?	0.28
a đế ngoài SRA phần g			ma sát	0.42	?	0.32
a đế ngoài SRB gót chân			ma sát	0.14	?	0.13
a đế ngoài SRB phần g			ma sát	0.19	?	0.18
rịch ố		Giá trị điện	megaohm	108.7	0.1 - 1000	
rị ESD		Giá trị	megaohm	N/A	0.1 - 100	
Hấp thụ năng lượng		điều	J	30	?	20
Đức n g						
Thép						
Mũi giày an toàn		ch ố n g	va đập (kh oản g	cách sau va đập 100J)	mm	N/A
Nắp mũi		ch ố n g	nén (khe h ở	sau khi nén 10kN)	mm	N/A
Mũi giày an toàn		ch ố n g	va đập (kh oản g	cách sau va đập 200J)	mm	15.0
Mũi giày an toàn		ch ố n g	nén (kh oản g	h ở sau khi nén 15kN)	mm	15.0

Kích thước thép: 42

Giày này không có bất kỳ phần nào của nó được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý của chúng tôi.



HEAD-TO-TOE
PROTECTION

ENGINEERED
IN EUROPE

www.safetyjogger.com